BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT THU HỒI THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN:
CỤM CÔNG NGHIỆP ĐỒNG ĐÌNH, HUYỆN TÂN YÊN - TDP TRONG CAO THƯỢNG, THỊ TRẤN CAO THƯỢNG (ĐỢT 17)

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên)

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích theo đo đạc thực tế (theo trích đo)			Thông tin thửa đất theo GCN, HS ĐC				Loại đất	Diện tích thu hồi trong chỉ giới cụm công nghiệp (m2)			Diện tích thu hồi trong chỉ giới làm đường (m2)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích được giao		Đất giao cho hộ	Đất UBND quản lý	Tổng DT thu hồi		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Đỗ Đình Mão - con Đỗ Đình Thanh - con Đỗ Đình Cương- con Đỗ Đình Hợi - con Đỗ Thị Quyết- con (GCN Đỗ Đình An)	Trong CT	1	89	83,1	20	567/1	246	220	BHK	83,1		83,1		Ông Đỗ Đình Mão được thống nhất cử làm người đại diện theo văn bản ngày 16/6/2022
			1	90	189,9					BHK	163,0		163,0		
2	Đỗ Đình Hợi (GCN Đỗ Văn Hợi)	Trong CT				20	567/1	246	24	BHK	26,9		26,9		
			1	98	80,5	20	570	62		BHK	80,5		80,5		
			1	81	132,2	20	559	496		CLN (LUC)	132,2		132,2		
			1	109	537,6	20	610+611	440+136		LUC	67,6		67,6		
3	Hoàng Văn Nghị	Trong CT								LUC	220,0		220,0		
			1	130	104,2	20	604	230	230	LUC	104,2		104,2		
			1	129	307,9					LUC	125,8		125,8		
			2	4	103,5	20	620	65		LUC	103,5		103,5		
4	Nguyễn Duy Hiệp (Nguyễn Văn Hiệp)	Trong CT	1	92	277,0	20	466	241		LUC	277,0		277,0		
			1	111	280,9	20	604	248	248	LUC	280,9		280,9		
			2	52	45,7	20	742	60	60	LUC	45,7		45,7		
			2	6	356,2	20	618+677	135+365		LUC	356,2		356,2		

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích theo đo đạc thực tế (theo trích đo)			Thông tin thửa đất theo GCN, HS ĐC				Loại đất	Diện tích thu hồi trong chỉ giới cụm công nghiệp (m2)			Diện tích thu hồi trong chỉ giới làm đường (m2)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích được giao		Đất giao cho hộ	Đất UBND quản lý	Tổng DT thu hồi		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5	Nguyễn Văn Tịnh	Trong CT	1	109	537,6	20	610+611	440+136		LUC	250		250,0		
			1	135	224,5	20	625/2	408	96	LUC	96,0		96,0		
			2	23	72,5	20	649	44	44	LUC	72,5		72,5		
6	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Điều	Trong CT	1	55	401,4	22 (20)	278/2 (816)	72 (306)	72	CLN (BHK)	401,4		401,4		
			1	56	445,7	22	279	404,2	404,2	CLN (LUC)	445,7		445,7		
			1	96	465,2	20	569	298		LUC	33,5	295,0	328,5		
						20	568	124	124	LUC	136,7		136,7		
7	Nguyễn Văn Tường	Trong CT	1	104	184,4	27	33	122,4	122,4	CLN (BHK)	184,4		184,4		
			1	105	105,6	27	34	255,1	255,1	CLN (BHK)	105,6		105,6		
			1	106	238,4	27 (20)	35 (560) (559)	411,0 (352) (496)	411,0 (250) (161)	CLN (BHK)	238,4		238,4		
			1	107	137,4					CLN (BHK)	137,4		137,4		
			1	10	166,2	20	342	162	162	LUC	166,2		166,2		
			1	97	75,4	20	571	82	72	BHK	75,4		75,4		
			1	119	145,3	20	589	86	96	LUC	145,3		145,3		
Tổng					**5.698,3**			**3.879,7**	**2.229,7**		**4.555,1**	**295**	**4.850,1**		

KHUYẾN KHÍCH NHẬN TIỀN VÀ BÀN GIAO MẶT BẰNG SỚM KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: CỤM CÔNG NGHIỆP ĐỒNG ĐÌNH, HUYỆN TÂN YÊN - TDP TRONG CAO THƯỢNG, THỊ TRẤN CAO THƯỢNG (ĐỢT 17)

(Kèm theo Quyết định số: ……../QĐ-UBND ngày ……/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên)

STT	Chủ sử dụng	Thông tin thửa đất theo BĐĐC			Loại đất	Diện tích thu hồi (m^2)			Khuyến khích nhận tiền và bàn giao mặt bằng sớm: 40,000đ/m2	Tổng kinh phí Bồi thường hỗi trợ (đồng)
		Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m^2)	Đất hộ	Đất UBND		
1	*2*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*18*
1	Đỗ Đình Mão - conĐỗ Đình Thanh - conĐỗ Đình Cương- conĐỗ Đình Hợi - conĐỗ Thị Quyết- con(GCN Đỗ Đình An)	1	89	83,1	BHK	83,1	83,1	0	3.324.000	3.324.000
		1	90	189,9	BHK	163,0	163,0	0	6.520.000	6.520.000
2	Đỗ Đình Hợi(GCN Đỗ Văn Hợi)				BHK	26,9	26,9	0	1.076.000	1.076.000
		1	98	80,5	BHK	80,5	80,5	0	3.220.000	3.220.000
		1	81	132,2	CLN(LUC)	132,2	132,2	0	5.288.000	5.288.000
		1	109	537,6	LUC	67,6	67,6	0	2.704.000	2.704.000
3	Hoàng Văn Nghị				LUC	220,0	220,0	0	8.800.000	8.800.000
		1	130	104,2	LUC	104,2	104,2	0	4.168.000	4.168.000
		1	129	307,9	LUC	125,8	125,8	0	5.032.000	5.032.000
		2	4	103,5	LUC	103,5	103,5	0	4.140.000	4.140.000
4	Nguyễn Duy Hiệp(Nguyễn Văn Hiệp)	1	92	277	LUC	277,0	277,0	0	11.080.000	11.080.000
		1	111	280,9	LUC	280,9	280,9	0	11.236.000	11.236.000
		2	52	45,7	LUC	45,7	45,7	0	1.828.000	1.828.000
		2	6	356,2	LUC	356,2	356,2	0	14.248.000	14.248.000

STT	Chủ sử dụng	Thông tin thửa đất theo BĐĐC			Loại đất	Diện tích thu hồi (m^2)			Khuyến khích nhận tiền và bàn giao mặt bằng sớm: 40,000đ/m2	Tổng kinh phí Bồi thường hỗi trợ (đồng)
		Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m^2)	Đất hộ	Đất UBND		
5	Nguyễn Văn Tịnh	1	109	537,6	LUC	250,0	250,0	0	10.000.000	10.000.000
		1	135	224,5	LUC	96,0	96,0	0	3.840.000	3.840.000
		2	23	72,5	LUC	72,5	72,5	0	2.900.000	2.900.000
6	Nguyễn Văn TrườngNguyễn Thị Điều	1	55	401,4	CLN(BHK)	401,4	401,4	0	16.056.000	16.056.000
		1	56	445,7	CLN(LUC)	445,7	445,7	0	17.828.000	17.828.000
		1	96	465,2	LUC	328,5	33,5	295	1.340.000	1.340.000
		0	0	0	LUC	136,7	136,7	0	5.468.000	5.468.000
7	Nguyễn Văn Tường	1	104	184,4	CLN(BHK)	184,4	184,4	0	7.376.000	7.376.000
		1	105	105,6	CLN(BHK)	105,6	105,6	0	4.224.000	4.224.000
		1	106	238,4	CLN(BHK)	238,4	238,4	0	9.536.000	9.536.000
		1	107	137,4	CLN(BHK)	137,4	137,4	0	5.496.000	5.496.000
		1	10	166,2	LUC	166,2	166,2	0	6.648.000	6.648.000
		1	97	75,4	BHK	75,4	75,4	0	3.016.000	3.016.000
		1	119	145,3	LUC	145,3	145,3	0	5.812.000	5.812.000
Tổng				**5.698,3**		**4.850,1**	**4.555,1**	**295**	**182.204.000**	**182.204.000**